TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **306**/2023/HS-ST
Ngày: 07/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:***Bà Phan Thị Kim Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh

Ông Phạm Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 315/2023/TLST-HS ngày 23/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2023/QĐXXST- HS ngày 23/10/2023 đối với bị cáo:

Phạm Thị N, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: TDP H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Quốc P (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953. Bị cáo 06 anh em, bị cáo là con thứ 05; Chồng: Trần Văn H, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trạm giam số 01 - Công an thành phố H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

HKTT: TDP số 2 T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, ngõ H TDP số B T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2023, Phạm Thị N ký hợp đồng làm giúp việc gia

đình với ông Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1962; Nơi thường trú: Tổ dân phố số B T, phường P, quận N, TP Hà Nội để làm giúp việc cho ông T tại nhà số B ngõ H đường T, phường P, quận N, Hà Nội, thời hạn 01 năm, mức lương 6.000.000 đồng/tháng, ăn ở và sinh hoạt tại nhà của ông T.

Quá trình làm giúp việc tại nhà ông T, N biết ông T để nhẫn vàng ở ngăn kéo tủ quần áo trong phòng ngủ nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 7 giờ ngày 10/8/2023, thấy ông T đi ra ngoài nên N đã vào phòng ngủ của ông T, mở ngăn kéo tủ quần áo trộm cắp 02 chiếc nhẫn vàng để trong hộp nhựa màu trắng hình trụ được cất trong ngăn kéo chính giữa dưới cùng của tủ quần áo rồi N cho vào trong gói băng vệ sinh dùng dở của mình, sau đó dùng bật lửa hơ dính miệng túi lại và cất giấu gói băng vệ sinh trên vào túi quần áo của mình.

Tối ngày 11/8/2023, ông T phát hiện bị mất tờ 100 USD để trong ví cất trong tủ quần áo nên đã hỏi N có lấy không thì N trả lời là không nhìn thấy tờ tiền USD nào. Đến khoảng 8 giờ ngày 12/8/2023, N quét dọn phòng ngủ của ông T thì phát hiện 01 tờ tiền 100 USD trong gầm tủ quần áo, N biết đây là tờ tiền USD của ông T bị mất trước đó nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và lấy đem cất giấu tờ tiền 100 USD trên vào trong ba lô đựng quần áo của mình.

Tối ngày 12/8/2023, ông T và N có to tiếng với nhau thì chị Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1994; Nơi thường trú: TDP 2, T, phường P, quận N, Hà Nội, là con gái ông T, ở gần nhà có sang nói chuyện. Thấy N không phù hợp làm giúp việc cho mình nên ông T đã yêu cầu chấm dứt hợp đồng với N, N đồng ý. Lúc này, do sợ N mang tài sản của gia đình ra khỏi nhà khi nghỉ việc nên chị N1 đề nghị kiểm tra đồ dùng cá nhân của N trước khi N ra khỏi nhà, N đồng ý. N1 sau đó tiến hành kiểm tra đồ trước sự chứng kiến của N và ông T (có dùng điện thoại quay lại quá trình kiểm tra), thì phát hiện 02 chiếc nhẫn vàng giấu trong gói băng vệ sinh trong túi quần áo của N. Lúc này N thừa nhận đó là 2 chiếc nhẫn vàng mà N đã trộm cắp trong tủ quần áo của ông T và đồng thời N cũng đã tự nguyện lấy tờ tiền 100 USD đã lấy trước đó đang giấu trong ba lô quần áo ra trả lại cho ông T. Sau đó, ông T và chị N1 đã đưa N đến trụ sở Công an phường P để trình báo.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị N khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*__Vật chứng thu giữ__: 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, phía trong có in chữ "B; số 4"; 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, có mặt vuông, bên ngoài có in chữ "BTGK; số 4"; 01 tờ tiền in mệnh giá 100 USD, có số seri: LL35874977C (Thu giữ của Phạm Thị N); 01 USB ghi nhận hình ảnh kiểm tra túi đồ của N (do ông Nguyễn Khắc T giao nộp).

Tại bản Kết luận giám định số 6417 và số 6410 ngày 08/09/2023 của V - Bộ C, kết luận:

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng tròn trơn, phía trong có in chữ "B; số 4 " có khối lượng: 15,00 gam là vàng (A), hàm lượng Au: 99.60 %Theo kết luận giám định số 6417 ngày 08/09/2023.

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng mặt hình vuông, bên ngoài có in chữ "BTGK; số 4" có khối lượng: 14,99 gam là vàng (A), hàm lượng Au: 99.40 %.

- Tờ tiền in mệnh giá 100 USD (một trăm đô la Mỹ) có mã số hiệu: LL35874977C là tiền thật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận N, kết luận: *01 (một) nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng tròn trơn, phía trong có in chữ B; số 4" có khối lượng: 15,00 gam là vàng (A), hàm lượng Au: 99.60 % (thu được tang vật) trị giá:* ***22.340.000*** *đồng; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng mặt hình vuông, bên ngoài có in chữ "BTGK; số 4" có khối lượng: 14,99 gam là vàng (A), hàm lượng Au: 99.40 % (thu được tang vật) trị giá:* ***22.340.000*** *đồng.*

Tổng trị giá 02 chiếc nhẫn là: **44.680.000** đồng.

Theo thông báo tỷ giá mua, bán ngoại tệ ngày 11/8/2023 (áp dụng từ 15 giờ 40 phút ngày 11/08/2023) của Ngân hàng N2 (A), tỷ giá mua vào của USD là 23.550 đồng, xác định 100 USD tương đương **2.355.000** đồng.

Tổng giá trị tài sản N đã trộm cắp là **47.035.000 đồng.**

Ngày 29/9/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả cho ông Nguyễn Khắc T: 01 tờ tiền mệnh giá 100 USD có số

seri: LL35874977C; 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, phía trong có in chữ "B; số 4" và 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, có mặt vuông, bên ngoài có in chữ "BTGK; số 4". Ông T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Thị N.

Lời khai nhận tội của Phạm Thị N phù hợp với lời khai bị hại; phù hợp vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại Bản cáo trạng số 306/CT-VKSNTL ngày 18/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội: *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 306/CT-VKSNTL ngày 18/10/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên không đề cập.

Lời nói sau cùng bị cáo Phạm Thị N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các biên bản, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 7 giờ ngày 10/8/2023 và khoảng 8 giờ ngày 12/8/2023, tại nhà số B ngõ H đường T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội, Phạm Thị N đã có hành vi trộm cắp 02 chiếc nhẫn (gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, phía trong có in chữ "B; số 4" trị giá 22.340.000 đồng và 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn, có mặt vuông, bên ngoài có in chữ "BTGK; số 4" trị giá 22.340.000 đồng) và trộm cắp 100 USD (tương đương 2.355.000 đồng) của ông Nguyễn Khắc T.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị N đã phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức về điều khiển hành vi, lợi dụng sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Do vậy cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình phạt, xét bị cáo N tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo N còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Vật chứng: Không.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị N phải nộp theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị N, bị hại ông Nguyễn Khắc T trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N **15** *(Mười lăm)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại - ông Nguyễn Khắc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Bị hại.
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Kim Thanh